

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc – Nam đến QL.19B
của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 3997/STNMT-CCBVM ngày 31/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc – Nam đến QL.19B;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc - Nam đến QL.19B đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 237/UBND-BQL ngày 07/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 26/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc – Nam đến QL.19B (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã Cát Tường, Cát Trinh, Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Phù Cát;
- BQLDA ĐTXDPTQĐ H.Phù Cát;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG ĐÁU NỐI TỪ ĐƯỜNG BẮC – NAM ĐẾN
QL.19B TẠI CÁC XÃ: CÁT TƯỜNG, CÁT TRINH, CÁT TÂN, HUYỆN
PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc – Nam đến QL.19B.

- Địa điểm thực hiện tại các xã: Cát Tường, Cát Trinh, Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án**1.2.1. Phạm vi:**

- Điểm đầu: Kết nối với đường Bắc – Nam tại nút giao vòng xuyên thuộc địa phận thôn Phong An, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát;

- Điểm cuối: Giao với Quốc lộ 19B tại Km34+770 thuộc địa phận thôn Xuân Quang, xã Cát Tường, huyện Phù Cát.

1.2.2. Quy mô:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường đấu nối từ đường Bắc – Nam đến QL.19B theo Tiêu chuẩn đường phố gom thứ yếu (TCVN 13592:2022). Tổng chiều dài tuyến là 3.505m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng mới 02 công trình cầu vĩnh cửu trên tuyến bằng bê tông cốt thép dự ứng lực.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước dọc và ngang tuyến.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, đường giao thông, xây dựng 02 cầu vĩnh cửu, công trình thoát nước.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng và điện trang trí, vỉa hè, cây xanh.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án:

- 02 bãi thải của dự án: Tại khu đất thuộc thôn Kiều Huyền, xã Cát Tân, huyện Phù Cát do UBND xã Cát Tân quản lý và bãi thải thuộc đất núi Hóc Giảng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát do UBND huyện Phù Cát quản lý.

- 01 đường công vụ nằm bên trái tuyến chính, chiều dài khoảng 3.500m, mặt đường rộng 5,0m, trên tuyến có bố trí các vị trí tránh xe rộng khoảng 8,0m để đảm bảo an toàn giao thông suốt và phục vụ thi công.

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 02 nhà vệ sinh di động; bố trí 02 hố lắng hai bên đầu cầu dung tích 8 m³/hố để lọc nước thải thi công; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyên đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 81.854,38 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp, san nền, thi công các hạng mục công trình, xây dựng cầu, hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ, đất, cát, cặn lơ lửng, ...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh hồ khoan cọc nhồi phát sinh khoảng 50,9m³. Thành phần chủ yếu là TSS, bùn, cặn,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công: Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp thi công mặt bằng, làm cầu cống, đường công vụ; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, hoạt động trải thảm nhựa đường, khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO_x, VOC,...

- Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến đường. Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 22,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng, gồm:

+ Sinh khối thực vật trong quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 23,75 tấn;

+ Chất thải rắn từ quá trình đào nền đường, đào khuôn, đánh cấp... không đủ tiêu chuẩn đất đắp nền đường phát sinh khoảng 1.711,19 m³;

+ Bùn bentonite thải phát sinh khoảng 781,82 m³;

+ Xà bần phát sinh từ hoạt động di dời mồ mả phát sinh khoảng 78,6 m³;

+ Chất thải rắn từ quá trình bóc phong hoá phát sinh khoảng 8m³.

- Trong quá trình thi công, xây dựng phát sinh lượng chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 45,35 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: gạch, bao xi măng, sắt thép vụn,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 25kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau chứa thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông, hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội tại khu vực dự án...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại, hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: bố trí hố lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng (tưới ẩm, dập bụi bề mặt công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu, rửa bánh xe). Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn thi công.

- Nước mưa chảy tràn: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công đảm bảo thoát nước nhanh, tránh gây ngập úng cục bộ; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn công trường thi công, các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Lập kế hoạch thi công trước khi triển khai thi công xây dựng để hạn chế việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng một lúc và thông báo kế hoạch này cho chính quyền và người dân khu vực chủ động trong công tác sinh hoạt và sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý

4.1.2.2. Giai đoạn hoạt động

Lắp đặt các biển báo giảm tốc độ, biển báo hiệu đường bộ để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động lưu thông của phương tiện đi lại trên tuyến đường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại các khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và được công nhân tập kết tại các tuyến đường xung quanh dự án và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

+ Chất thải sinh khối thực vật sẽ chuyển cho các hộ dân thu gom, tái sử dụng. Phần không sử dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với khối lượng bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp: Phải lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

+ Khối lượng đất bóc phong hóa, bùn bentonite thải, xà bần... được vận chuyển đi đổ thải tại khu đất thuộc thôn Kiều Huyền, xã Cát Tân, huyện Phù Cát do UBND xã Cát Tân quản lý và bãi thải thuộc đất núi Hóc Giàng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát do UBND huyện Phù Cát quản lý.

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP 5 ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TTBTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Tại công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.
- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.
- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chỉ triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.
- Đối với khối lượng đất bóc tầng đất mặt đối với diện tích đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên phải lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4.4.2. Phương án tiêu, thoát nước

Để không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước khu vực, Chủ dự án thực hiện thi công hệ thống công thoát nước với kích thước phù hợp để đảm bảo tiêu thoát nước trong quá trình thi công và hình thành dự án. Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trên tuyến trước khi thi công dự án.

4.4.3. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông, bố trí người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

- Quá trình thi công hệ thống thoát nước phải được thực hiện theo đúng trình tự, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ quản của các công trình trên để lựa chọn thời điểm thi công thích hợp, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến quá trình dẫn nước tưới và tiêu thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực giáp nhà dân hiện trạng thuộc điểm đầu Dự án thuộc xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; tọa độ: X = 588.100; Y = 1.546.787 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 108⁰15').

+ 01 điểm tại khu vực giáp nhà dân hiện trạng thuộc điểm giữa Dự án thuộc xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; tọa độ: X = 588.482; Y = 1.545.969 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 108⁰15').

+ 01 điểm tại khu vực giáp nhà dân hiện trạng thuộc điểm giữa Dự án thuộc xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; tọa độ: X = 590.240; Y = 1.544.200 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108⁰15’).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại nước mặt tại suối Rù Rì trong khu vực Dự án thuộc xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; tọa độ: X = 589.239; Y = 1.545.267 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108⁰15’).

+ 01 điểm tại nước mặt tại suối Chay trong khu vực Dự án thuộc xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; tọa độ: X = 590.135; X = 1.544.315 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108⁰15’).

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, dầu mỡ khoáng, coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Niêm yết công khai kế hoạch thi công, các giải pháp bảo vệ môi trường để người dân theo dõi, giám sát.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.